

TEST
UNIT: 7+8+9

I. Translate into English:

- | | |
|----------------------------|-----------------------------|
| 1. những cây kéo _____ | 6. vẽ 1 bức tranh _____ |
| 2. Những cọ vẽ _____ | 7. Tập võ _____ |
| 3. Những hình dán _____ | 8. Tập bóng đá _____ |
| 4. Lớp học tiếng anh _____ | 9. Đang uống nước ép _____ |
| 5. Lớp học thư pháp _____ | 10. Đang cho chuột ăn _____ |

II. Fill in the blank:

- | | |
|---------------------------------|-------------------------|
| 1. Color ____ picture | 6. pick ____ the toys |
| 2. Put ____ books ____ your bag | 7. ____ away the toys |
| 3. Say _____ to your teacher | 8. turn ____ the lights |
| 4. Run to baseball _____ | 9. wipe ____ desk |
| 5. Put ____ your uniform | 10. ____ the board |

III. Reorder the sentences:

1. I/ a/ great/ time/ had/.

2. Is/ this/ for/ you/.

3. She/'s/a/ map/drawing/.

4. Are/ ready/ you/ to/ go/?

5. Bye./ see/ at/ you/ practice/ soccer/.

6. Spell/ how/ do/ you/ fox/?

7. What/ your/'s/ favourite/ class/?

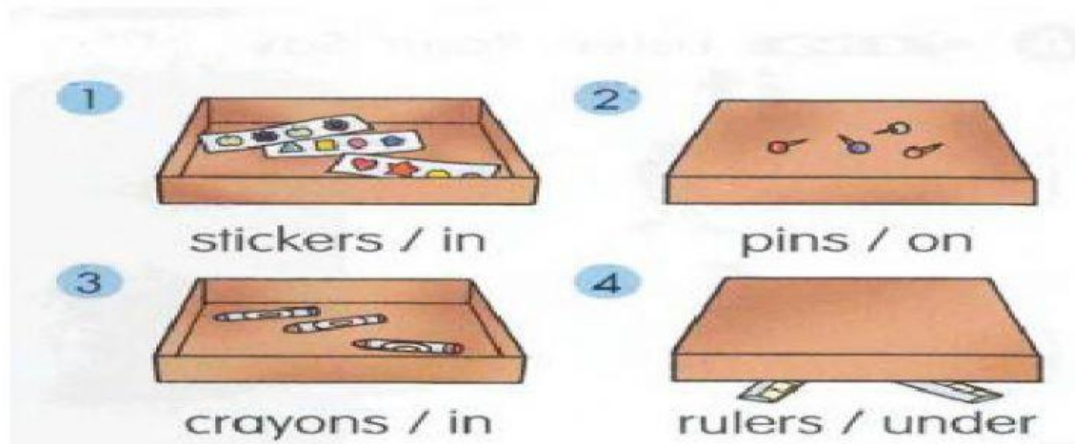
8. In/ the/ they/ are/ box.

9. Where/ the/ are/ pins/?

10. The/ are/ in/ paints/ the/ box/.

IV. Answers the questions:

Picture A:



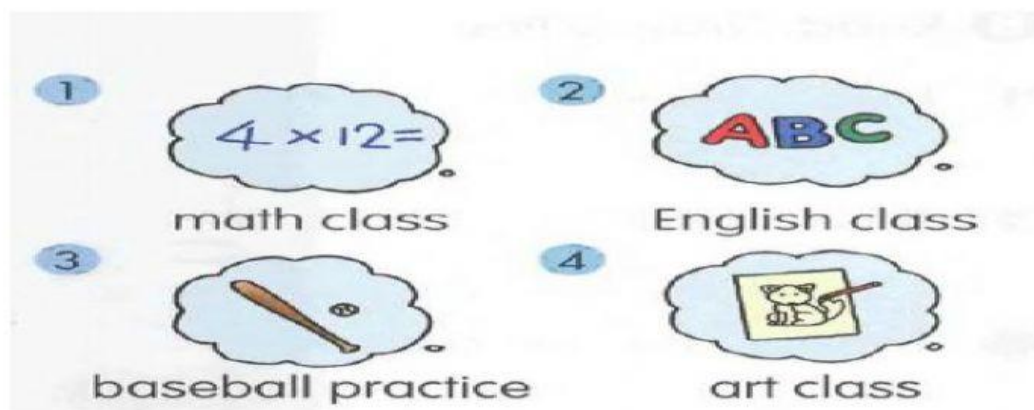
1. Where are the stickers? _____

2. Where are the pins? _____

3. Where are the crayons? _____

4. Where are the rulers? _____

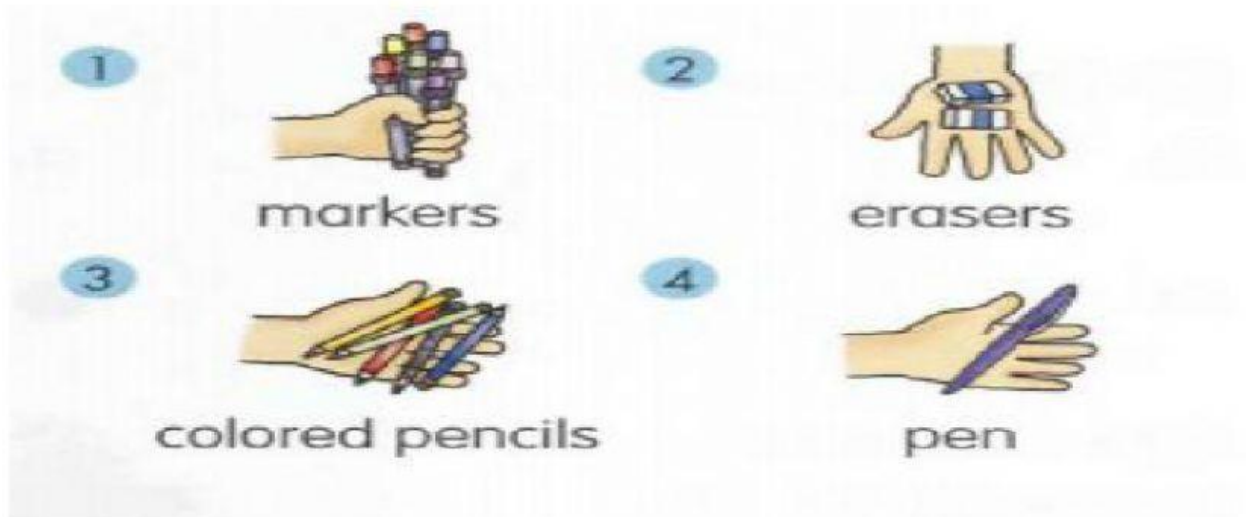
Picture B: Where are you going?



1. _____ 3. _____

2. _____ 4. _____

Picture C:



1. How many markers do you have?

2. How many erasers do you have?

3. How many colored pencils do you have?

4. How many pens do you have?
